

**KINH PHÍ CHI TRONG 01 NĂM ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ THEO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT HĐND THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Tờ trình của UBND Thành phố)*

| STT | Quận, huyện, thị xã | Tổng số thôn, tổ dân phố | Số lượng thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; Thôn thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền |              |                              | Số lượng Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; Tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền |                      |                              | Số các thôn, tổ dân phố còn lại |                                   |                              | Kinh phí chi trong 01 năm theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND | Kinh phí chi trong 01 năm theo dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố | Kinh phí chênh lệch trong 01 năm khi thực hiện dự thảo Nghị quyết so với Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND |
|-----|---------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                     |                          | Bí thư Chi bộ                                                                                                                                                      | Trưởng thôn  | Trưởng ban công tác Mặt trận | Bí thư Chi bộ                                                                                                                                                                  | Tổ trưởng Tổ dân phố | Trưởng ban công tác Mặt trận | Bí thư Chi bộ                   | Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố | Trưởng ban công tác Mặt trận |                                                                           |                                                                  |                                                                                                     |
| 1   | 2                   | 3                        | 4                                                                                                                                                                  | 5            | 6                            | 7                                                                                                                                                                              | 8                    | 9                            | 10                              | 11                                | 12                           | 13                                                                        | 14                                                               | 15                                                                                                  |
|     | <b>TỔNG</b>         | <b>5.432</b>             | <b>1.155</b>                                                                                                                                                       | <b>1.155</b> | <b>1.155</b>                 | <b>563</b>                                                                                                                                                                     | <b>563</b>           | <b>563</b>                   | <b>3.714</b>                    | <b>3.714</b>                      | <b>3.714</b>                 | <b>309.920.961</b>                                                        | <b>623.764.800</b>                                               | <b>313.843.839</b>                                                                                  |
| 1   | Hoàn Kiếm           | 132                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 0                                                                                                                                                                              | 0                    | 0                            | 132                             | 132                               | 132                          | 7.604.835                                                                 | 14.256.000                                                       | 6.651.165                                                                                           |
| 2   | Hai Bà Trưng        | 264                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 10                                                                                                                                                                             | 10                   | 10                           | 254                             | 254                               | 254                          | 12.279.267                                                                | 28.728.000                                                       | 16.448.733                                                                                          |
| 3   | Ba Đình             | 217                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 8                                                                                                                                                                              | 8                    | 8                            | 209                             | 209                               | 209                          | 8.792.196                                                                 | 23.608.800                                                       | 14.816.604                                                                                          |
| 4   | Đống Đa             | 380                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 5                                                                                                                                                                              | 5                    | 5                            | 375                             | 375                               | 375                          | 16.857.960                                                                | 41.148.000                                                       | 24.290.040                                                                                          |
| 5   | Tây Hồ              | 108                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 14                                                                                                                                                                             | 14                   | 14                           | 94                              | 94                                | 94                           | 5.719.665                                                                 | 11.966.400                                                       | 6.246.735                                                                                           |
| 6   | Thanh Xuân          | 232                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 31                                                                                                                                                                             | 31                   | 31                           | 201                             | 201                               | 201                          | 10.203.606                                                                | 25.725.600                                                       | 15.521.994                                                                                          |
| 7   | Cầu Giấy            | 228                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 21                                                                                                                                                                             | 21                   | 21                           | 207                             | 207                               | 207                          | 12.152.931                                                                | 25.077.600                                                       | 12.924.669                                                                                          |
| 8   | Hoàng Mai           | 402                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 86                                                                                                                                                                             | 86                   | 86                           | 316                             | 316                               | 316                          | 15.515.640                                                                | 45.273.600                                                       | 29.757.960                                                                                          |
| 9   | Long Biên           | 225                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 44                                                                                                                                                                             | 44                   | 44                           | 181                             | 181                               | 181                          | 11.825.247                                                                | 25.250.400                                                       | 13.425.153                                                                                          |
| 10  | Nam Từ Liêm         | 139                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 89                                                                                                                                                                             | 89                   | 89                           | 50                              | 50                                | 50                           | 7.192.269                                                                 | 16.934.400                                                       | 9.742.131                                                                                           |
| 11  | Bắc Từ Liêm         | 199                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 68                                                                                                                                                                             | 68                   | 68                           | 131                             | 131                               | 131                          | 9.773.274                                                                 | 22.960.800                                                       | 13.187.526                                                                                          |
| 12  | Hà Đông             | 257                      | 0                                                                                                                                                                  | 0            | 0                            | 100                                                                                                                                                                            | 100                  | 100                          | 157                             | 157                               | 157                          | 14.054.880                                                                | 29.916.000                                                       | 15.861.120                                                                                          |
| 13  | Thanh Trì           | 100                      | 55                                                                                                                                                                 | 55           | 55                           | 32                                                                                                                                                                             | 32                   | 32                           | 13                              | 13                                | 13                           | 7.345.254                                                                 | 12.679.200                                                       | 5.333.946                                                                                           |
| 14  | Gia Lâm             | 164                      | 100                                                                                                                                                                | 100          | 100                          | 14                                                                                                                                                                             | 14                   | 14                           | 50                              | 50                                | 50                           | 11.932.830                                                                | 20.174.400                                                       | 8.241.570                                                                                           |
| 15  | Đông Anh            | 195                      | 122                                                                                                                                                                | 122          | 122                          | 0                                                                                                                                                                              | 0                    | 0                            | 73                              | 73                                | 73                           | 10.546.095                                                                | 23.695.200                                                       | 13.149.105                                                                                          |
| 16  | Sóc Sơn             | 189                      | 41                                                                                                                                                                 | 41           | 41                           | 0                                                                                                                                                                              | 0                    | 0                            | 148                             | 148                               | 148                          | 11.306.085                                                                | 21.297.600                                                       | 9.991.515                                                                                           |
| 17  | Ba Vì               | 208                      | 42                                                                                                                                                                 | 42           | 42                           | 0                                                                                                                                                                              | 0                    | 0                            | 166                             | 166                               | 166                          | 13.463.667                                                                | 23.371.200                                                       | 9.907.533                                                                                           |

| STT | Quận, huyện, thị xã | Tổng số thôn, tổ dân phố | Số lượng thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; Thôn thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền |             |                              | Số lượng Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; Tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền |                      |                              | Số các thôn, tổ dân phố còn lại |                                   |                              | Kinh phí chi trong 01 năm theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND | Kinh phí chi trong 01 năm theo dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố | Kinh phí chênh lệch trong 01 năm khi thực hiện dự thảo Nghị quyết so với Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND |
|-----|---------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                     |                          | Bí thư Chi bộ                                                                                                                                                      | Trưởng thôn | Trưởng ban công tác Mặt trận | Bí thư Chi bộ                                                                                                                                                                  | Tổ trưởng Tổ dân phố | Trưởng ban công tác Mặt trận | Bí thư Chi bộ                   | Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố | Trưởng ban công tác Mặt trận |                                                                           |                                                                  |                                                                                                     |
| 1   | 2                   | 3                        | 4                                                                                                                                                                  | 5           | 6                            | 7                                                                                                                                                                              | 8                    | 9                            | 10                              | 11                                | 12                           | 13                                                                        | 14                                                               | 15                                                                                                  |
| 18  | Sơn Tây             | 118                      | 28                                                                                                                                                                 | 28          | 28                           | 4                                                                                                                                                                              | 4                    | 4                            | 86                              | 86                                | 86                           | 7.245.567                                                                 | 13.435.200                                                       | 6.189.633                                                                                           |
| 19  | Thạch Thất          | 122                      | 91                                                                                                                                                                 | 91          | 91                           | 1                                                                                                                                                                              | 1                    | 1                            | 30                              | 30                                | 30                           | 9.739.716                                                                 | 15.163.200                                                       | 5.423.484                                                                                           |
| 20  | Phúc Thọ            | 163                      | 52                                                                                                                                                                 | 52          | 52                           | 2                                                                                                                                                                              | 2                    | 2                            | 109                             | 109                               | 109                          | 11.146.191                                                                | 18.770.400                                                       | 7.624.209                                                                                           |
| 21  | Đan Phượng          | 129                      | 44                                                                                                                                                                 | 44          | 44                           | 0                                                                                                                                                                              | 0                    | 0                            | 85                              | 85                                | 85                           | 8.547.420                                                                 | 14.882.400                                                       | 6.334.980                                                                                           |
| 22  | Hoài Đức            | 136                      | 57                                                                                                                                                                 | 57          | 57                           | 2                                                                                                                                                                              | 2                    | 2                            | 77                              | 77                                | 77                           | 10.360.539                                                                | 15.962.400                                                       | 5.601.861                                                                                           |
| 23  | Quốc Oai            | 95                       | 61                                                                                                                                                                 | 61          | 61                           | 5                                                                                                                                                                              | 5                    | 5                            | 29                              | 29                                | 29                           | 7.189.308                                                                 | 11.685.600                                                       | 4.496.292                                                                                           |
| 24  | Chương Mỹ           | 208                      | 94                                                                                                                                                                 | 94          | 94                           | 7                                                                                                                                                                              | 7                    | 7                            | 107                             | 107                               | 107                          | 13.893.999                                                                | 24.645.600                                                       | 10.751.601                                                                                          |
| 25  | Thanh Oai           | 129                      | 82                                                                                                                                                                 | 82          | 82                           | 1                                                                                                                                                                              | 1                    | 1                            | 46                              | 46                                | 46                           | 9.666.678                                                                 | 15.724.800                                                       | 6.058.122                                                                                           |
| 26  | Thường Tín          | 166                      | 97                                                                                                                                                                 | 97          | 97                           | 2                                                                                                                                                                              | 2                    | 2                            | 67                              | 67                                | 67                           | 12.396.720                                                                | 20.066.400                                                       | 7.669.680                                                                                           |
| 27  | Ứng Hoà             | 145                      | 74                                                                                                                                                                 | 74          | 74                           | 0                                                                                                                                                                              | 0                    | 0                            | 71                              | 71                                | 71                           | 9.973.635                                                                 | 17.258.400                                                       | 7.284.765                                                                                           |
| 28  | Phú Xuyên           | 154                      | 0                                                                                                                                                                  | 0           | 0                            | 0                                                                                                                                                                              | 0                    | 0                            | 154                             | 154                               | 154                          | 6.880.377                                                                 | 16.632.000                                                       | 9.751.623                                                                                           |
| 29  | Mỹ Đức              | 129                      | 56                                                                                                                                                                 | 56          | 56                           | 3                                                                                                                                                                              | 3                    | 3                            | 70                              | 70                                | 70                           | 8.978.739                                                                 | 15.206.400                                                       | 6.227.661                                                                                           |
| 30  | Mê Linh             | 99                       | 59                                                                                                                                                                 | 59          | 59                           | 14                                                                                                                                                                             | 14                   | 14                           | 26                              | 26                                | 26                           | 7.336.371                                                                 | 12.268.800                                                       | 4.932.429                                                                                           |

| STT | Quận, huyện, thị xã | Tổng số thôn, tổ dân phố | Số lượng thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; Thôn thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền |             |                              | Số lượng Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; Tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền |                      |                              | Số các thôn, tổ dân phố còn lại |                                   |                              | Kinh phí chi trong 01 năm theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND | Kinh phí chi trong 01 năm theo dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố | Kinh phí chênh lệch trong 01 năm khi thực hiện dự thảo Nghị quyết so với Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND |
|-----|---------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                     |                          | Bí thư Chi bộ                                                                                                                                                      | Trưởng thôn | Trưởng ban công tác Mặt trận | Bí thư Chi bộ                                                                                                                                                                  | Tổ trưởng Tổ dân phố | Trưởng ban công tác Mặt trận | Bí thư Chi bộ                   | Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố | Trưởng ban công tác Mặt trận |                                                                           |                                                                  |                                                                                                        |
| 1   | 2                   | 3                        | 4                                                                                                                                                                  | 5           | 6                            | 7                                                                                                                                                                              | 8                    | 9                            | 10                              | 11                                | 12                           | 13                                                                        | 14                                                               | 15                                                                                                     |





